

MẤY SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ “VIỆT NAM HỌC”

VÕ NGUYÊN GIÁP*

Trước hết, xin cho phép tôi nhiệt liệt hoan nghênh các nhà khoa học, đặc biệt là các bạn quốc tế đã hưởng ứng sáng kiến của Đại học Quốc gia Hà Nội và Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn, tham dự đông đảo cuộc hội thảo khoa học quốc tế về Việt Nam học.

Cuộc hội thảo về Việt Nam học lần này là cuộc hội thảo đầu tiên tổ chức tại Hà Nội, nhưng từ lâu nhiều nhà khoa học ở trong nước và nước ngoài đã dày công nghiên cứu và đã có những công trình quan trọng giúp chúng ta hiểu biết thêm về đất nước và con người Việt Nam. Điều cơ bản là đối tượng của Việt Nam học là một lĩnh vực rộng lớn, nội dung phong phú, còn có những vấn đề quan trọng cần được đi sâu nghiên cứu và lý giải.

Việt Nam là một quốc gia dân tộc hình thành rất sớm, khác với các quốc gia dân tộc ở phương Tây.

Việt Nam có một nền văn hoá sớm phát triển. Những di chỉ của văn hoá Đông Sơn với những trống đồng nổi tiếng đã có từ giữa thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên. Nói đến Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc với cố đô Cổ Loa - một trung tâm chính trị và quân sự với những thành quách, những mũi tên đồng thì cũng ở vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên. Có thể nói rằng những cư dân bản địa đầu tiên rất sớm đã có một triết lý sống, một triết lý hành động trong công cuộc đấu tranh chống thiên tai và địch họa. Triết lý ấy được thể hiện trong cả một kho tàng ca dao tục ngữ được lưu truyền từ đời này qua đời khác như dòng sữa nuôi dưỡng tâm hồn và nhân cách con người Việt Nam. Những truyền thuyết về

* Đại tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Chủ tịch danh dự Hội Khoa học lịch sử Việt Nam. Việt Nam.

nguồn gốc dân tộc với hình tượng “con Lạc cháu Hồng”, “con Rồng cháu Tiên”, “Mẹ Âu Cơ với bọc trứng trăm con”... luôn răn dạy con người Việt Nam về cội nguồn cùng chung một gốc để gìn giữ tình nghĩa “đồng bào”, tình nghĩa làng xóm. Đặc biệt là hình tượng vua Hùng với 18 đời kế vị đã trở thành tiếm thức của người Việt Nam, những truyền thuyết về “Sơn tinh, Thuỷ tinh”, về “Thánh Gióng”... nhắc nhở mọi người dân ghi nhớ rằng chinh phục thiên nhiên cũng như chống giặc ngoại xâm là nghĩa vụ thiêng liêng với mọi thế hệ. Các tập tục cổ truyền, như thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với nước, những lễ hội diễn xướng dân gian là những cách thức để giữ gìn và bồi đắp bản lĩnh cũng như đạo làm người của dân tộc Việt Nam.

Về sau, những triết lý phổ biến và sâu sắc ấy mới được ghi vào lịch sử thành văn và đã từng bước tiếp tục xây dựng nên nền văn hoá Việt Nam mà hạt nhân là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, tinh thần đấu tranh bất khuất chống mọi kẻ địch xâm lược để làm chủ nước nhà, là đức tính lao động cần cù và bền bỉ để làm chủ thiên nhiên, là tinh thần nhân ái, cố kết, chung lưng đấu cật để bảo vệ xây dựng cộng đồng, là tinh thần sống hoà bình và hữu nghị với các nước láng giềng và trải qua một cuộc đấu tranh biết bao gian khổ và lâu dài để dựng nước và giữ nước tạo ra cho dân tộc Việt Nam một tinh thần thông minh sáng tạo khá đặc biệt, nhất là trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

Nền văn hoá nói đây đương nhiên bao gồm toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mà con người Việt Nam đã sáng tạo ra trong hoạt động sản xuất cũng như trong đấu tranh xã hội để đáp ứng mục tiêu tồn tại và phát triển, dựng nước và giữ nước.

Chính nền văn hoá truyền thống ấy đã tạo nên một điển hình hiếm thấy là trên lãnh thổ Việt Nam, 54 dân tộc với những tiếng nói khác nhau, phong tục tập quán khác nhau, trong suốt tiến trình lịch sử, đã thường xuyên sát cánh bên nhau trong sản xuất cũng như trong chiến đấu, chưa hề xảy ra những cuộc chiến tranh sắc tộc. Trước thiên tai, đặc biệt là trước địch hoạ, các dân tộc càng đoàn kết với nhau, trong khi vẫn giữ bản sắc của mỗi dân tộc lại cùng tạo nên một nền văn hoá chung của một nước Việt Nam thống nhất. Tinh thần đoàn kết thống nhất ấy toát lên trong câu nói của chủ tịch Hồ Chí Minh: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi”. Đoàn kết là sức mạnh, tinh thần đoàn kết, đại đoàn kết nói trên là một nét tiêu biểu của nền văn hoá Việt Nam và đã mang lại cho dân tộc một sức sống mãnh liệt.

Do đâu mà trải qua một nghìn năm đô hộ của phong kiến phương Bắc, dân tộc Việt Nam không những không bị đồng hoá, trái lại còn tích lũy lực lượng, cuối cùng vùng lên giành lại độc lập. Đó là nhờ người dân Việt Nam đã giữ vững được nền văn hoá vốn có.

Do đâu mà một nước nhỏ, đất không rộng người không đông, mà đánh bại mọi kẻ địch xâm lược, từ cuộc chiến thắng mấy vạn quân Tần vào đầu Công nguyên, cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí và những anh hùng yêu nước khác ngay trong thời kỳ bị đô hộ cho đến chiến thắng hiển hách trên sông Bạch Đằng vào thế kỷ X, lập nên nước Đại Cồ Việt. Và từ đó, trải qua gần một nghìn năm nước nhà độc lập thì đã liên tiếp đánh thắng các đội quân xâm lược lớn mạnh của các triều đại Tống, Nguyên, Minh, Thanh và đặc biệt là đã ba lần chiến thắng giặc Nguyên-Mông, đội quân xâm lược hung bạo nhất của thời trung cổ. Đó là nhờ ở sức mạnh của nền văn hoá truyền thống, trên cơ sở ấy đã biết kết hợp tinh thần quyết chiến giữ nước với tài thao lược sáng tạo, xây dựng nền tảng học thuyết quân sự Việt Nam độc đáo.

Trong suốt thời đại Đại Việt, chế độ phong kiến với tính chất và đặc điểm riêng đã hình thành và ngày càng được củng cố, công cuộc xây dựng đất nước đã không ngừng phát triển về nhiều mặt với nền văn minh lúa nước, hệ thống đê điều và các nghề thủ công tinh xảo, việc giao lưu hàng hoá với các nước đã được mở mang với một lực lượng hàng hải khá mạnh ở biển Đông. Xây dựng nhà nước tập quyền, ban hành các bộ luật, tổ chức quân đội, thực hiện chế độ thi tuyển chọn nhân tài, mở mang nền văn hiến... Hình thái kinh tế xã hội có những đặc điểm gì liên quan đến cái gọi là phương thức sản xuất châu Á mà Mác đã đề cập, đó là vấn đề còn phải tiếp tục nghiên cứu, nhưng rõ ràng xã hội Việt Nam đã không trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ. Có thể nói, nước Đại Việt thời bấy giờ được coi là cường thịnh, so với các nước trong khu vực.

Về địa lý chiến lược, nước Việt Nam có một vị trí quan trọng, nằm trên đường giao lưu quốc tế giữa hai quốc gia lớn, cũng là hai nền văn hoá vĩ đại của loài người: Trung Hoa và Ấn Độ. Nước Việt Nam còn nằm trên con đường giao thông hàng hải trọng yếu của khu vực Đông Á và Nam Á. Trong lịch sử, Việt Nam cũng là một đối tượng trọng yếu của chủ nghĩa bành trướng, chủ nghĩa thực dân của các cường quốc. Do vậy mà Việt Nam là một trong số không nhiều dân tộc từ xa xưa đã có cơ hội tiếp xúc với nhiều nền văn minh lớn trên thế giới, phương Đông cũng như phương Tây.

Nhìn chung về giao lưu văn hoá, Việt Nam luôn có thái độ rộng mở. Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo của phương Đông và sau này cả Thiên chúa giáo của phương Tây đã được du nhập, được tiếp nhận và chuyển hoá phù hợp với tâm tính của người Việt Nam và lợi ích của dân tộc Việt Nam. Một ví dụ điển hình là những nhà Nho nổi tiếng đều là những sĩ phu yêu nước, thực chất là những nhà yêu nước uyên bác về Nho học. Chúng ta đã tiếp nhận chữ Hán để chuyển tải nền văn hoá của mình và làm nên những áng hùng văn như “Bình Ngô đại cáo”. Về chữ viết, chúng ta chấp nhận việc La tinh hoá và coi thứ chữ ấy là “quốc ngữ”; sự tiếp nhận ấy đã góp phần quan trọng phổ biến kiến thức và nâng

cao dân trí của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Các thương gia cũng như các nhà truyền giáo nước ngoài nói chung đều được phép tự do hoạt động với điều kiện tôn trọng chủ quyền và lợi ích dân tộc Việt Nam. Mãi cho đến sau này, trong một thời gian nhất định, triều đình nhà Nguyễn đã cho thi hành chính sách “bế quan toả cảng” và “bài trừ tà đạo”.

*

* *

Bước sang thời kỳ cận hiện đại, đã diễn ra cuộc đụng đầu lịch sử giữa các nước tư bản phương Tây với nền văn minh công nghiệp và các nước phong kiến phương Đông với nền văn minh nông nghiệp. Tiếp theo sự phát triển của chủ nghĩa tư bản thương mại là cuộc chiến tranh xâm lược lớn nhỏ để chiếm lĩnh thuộc địa, phân chia lại thị trường. Thời gian này đặt ra cho “Việt Nam học” nhiều vấn đề cần được nghiên cứu, đồng thời phải đặt nó trong phạm vi rộng lớn hơn của Đông phương học. Từ các nước Nam Á, Đông Nam Á, Nhật Bản, Trung Quốc cho đến Việt Nam, tình hình đã diễn ra với những đặc điểm vừa có sự đồng nhất vừa có sự khác biệt nhất định.

Việt Nam, từ giữa thế kỷ XIX đã từng bước bị biến thành thuộc địa bị khai thác của chủ nghĩa thực dân Pháp, đồng thời là đối tượng của chính sách chia để trị trong khuôn khổ Liên bang Đông Dương.

Thế thì cái gọi là chính sách “khai hoá” với những thủ đoạn cực kỳ độc ác, cực kỳ tàn bạo mà *Bản án chế độ thực dân Pháp* đã nêu lên cũng cần được nghiên cứu cụ thể hơn để thấy cho hết chủ nghĩa thực dân thực sự là một vết nhơ trong lịch sử nhân loại.

Một đối tượng quan trọng hàng đầu của Việt Nam học là các cuộc khởi nghĩa, các phong trào kháng Pháp liên tiếp nổi dậy và liên tiếp bị thất bại, bị dập tắt trong biển máu. Nguyên nhân là ở đâu? Nền văn hoá truyền thống với chủ nghĩa yêu nước kiên cường bất khuất đã trải qua những bước biến thiên như thế nào mà lại đưa cả một dân tộc giàu tinh thần đấu tranh bất khuất đi đến một cảnh ngộ không có lối thoát?

Mãi cho đến khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước thì sự nghiệp giải phóng dân tộc mới từng bước tiến lên trên con đường thẳng lợi. Nhà yêu nước vĩ đại sinh ra ở đất Lam Hồng đã hấp thụ sâu sắc tinh hoa của truyền thống văn hoá Việt Nam, lại có hiểu biết sâu rộng về văn hoá phương Đông. Trải qua bao năm bôn ba khắp bốn biển năm châu, Người đã nhạy bén tiếp thu tinh hoa của các nền văn hoá trên thế giới, của nền văn hoá phương Tây. Người nói:

“Phương Đông hay phương Tây, có cái gì hay cái gì tốt thì ta tiếp thu, tiếp thu có chọn lọc và phát triển thành “thuần túy Việt Nam”, có như thế mới là dân chủ”, nghĩa là mới biến thành tài sản của mỗi một người dân - người làm chủ đất nước. Và khi Người đã đi đến với chủ nghĩa Mác-Lê nin, tìm ra chân lý cứu nước thì các mối quan hệ giữa dân tộc với giai cấp, quốc gia với quốc tế đã được giải quyết... Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã gắn liền với chủ nghĩa xã hội, do đó, đã tạo nên cho nền văn hoá Việt Nam truyền thống một chất lượng mới, một sức mạnh mới. Người đã xây dựng nên một chủ nghĩa nhân văn cao cả, coi trọng quyền sống thiêng liêng của con người, một triết lý nhân văn hành động, giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Người đã phát hiện sức mạnh vô tận của nhân dân, của toàn dân. Có phát động được lực lượng của mọi giai cấp, mọi tầng lớp yêu nước, nhằm mang lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân, cho toàn dân thì mới có thể đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi.

Do đâu mà sau biết bao cuộc khởi nghĩa thất bại, trong một thời gian ngắn, nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi hoàn toàn trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám đưa lại quyền độc lập cho nước Việt Nam, với sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở châu Á.

Do đâu mà tiếp đó, trải qua 30 năm của một cuộc chiến tranh xâm lược lâu dài nhất và khốc liệt nhất trong lịch sử, dân tộc Việt Nam đã làm nên được những chiến công hiển hách chưa từng có, tưởng chừng như không thể làm được, cuối cùng đã giành được thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn, một nước nhỏ đã đánh thắng hai đế quốc to là đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ.

Đó chính là nhờ ở sức mạnh tổng hợp mà địch không lường hết của dân tộc Việt Nam, của toàn dân, sức mạnh của khởi nghĩa toàn dân, chiến tranh toàn dân, của học thuyết quân sự Việt Nam trong thế kỷ XX, của nền văn hoá Việt Nam phát triển đến đỉnh cao trong thời đại Hồ Chí Minh. Đây cũng là thắng lợi của nhân dân yêu chuộng hoà bình và công lý trên thế giới trong đó có nhân dân tiến bộ Pháp và Mỹ. Chính những nhà chính khách và nhà khoa học Mỹ cũng đã nói: “Mỹ thất bại vì không hiểu lịch sử Việt Nam, không hiểu văn hoá Việt Nam”. Một chính khách lớn của Mỹ lại nói: “Nếu Việt Nam chỉ có tinh thần chiến đấu anh hùng không thôi thì sức mạnh quân sự khổng lồ của Mỹ đã đánh bại, nhưng Việt Nam còn có trí thông minh sáng tạo”. Tuy vậy, cho đến nay câu hỏi vì sao Việt Nam đã thắng vẫn còn đặt ra với nhiều người và Việt Nam học nên tiếp tục nghiên cứu.

*

* *

Sau khi giành được độc lập và thống nhất hoàn toàn, nhân dân Việt Nam bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trải qua một thời gian đi theo mô hình CNXH kiểu Xô viết, tuy có giành được những thành tựu quan trọng nhất định, nhưng tình hình kinh tế xã hội ngày càng lâm vào trì trệ và khủng hoảng. Đảng Cộng sản Việt Nam, dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh đã sớm phát hiện vấn đề, tổng kết thực tiễn, đề ra đường lối đổi mới sáng tạo, đưa lại những thắng lợi quan trọng.

Tuy vậy, nhân dân Việt Nam đang thực hiện nhiệm vụ mới trong tình hình phải khắc phục những tổn thất lớn lao của mấy thập kỷ chiến tranh. Mặt khác, con đường của một nước đang phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội với nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước lại là một con đường rất mới mẻ cả về lý luận và thực tiễn, chưa hề có tiền lệ trong lịch sử. Việt Nam học cần thực sự coi trọng vấn đề khắc phục sự chậm trễ về mặt lý luận, với quan điểm thực tiễn và tinh thần dân chủ.

Tôi nghĩ rằng, đây không chỉ là vấn đề của riêng Việt Nam mà cũng là một nhu cầu bức thiết đối với nhiều nước trên thế giới, một vấn đề lý luận của thời đại.

Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong tình hình đất nước về cơ bản vẫn còn đang ở tình trạng chậm phát triển, khu vực nông nghiệp vẫn còn chiếm đến trên 70% lực lượng lao động. Rõ ràng, với chính sách đổi mới và mở cửa, Việt Nam đang đứng trước những vận hội mới, nhưng đồng thời cũng phải đương đầu với những thách thức mới.

Với sự tăng tốc của xu hướng toàn cầu hoá, sự xuất hiện của một nền kinh tế được gọi là “nền kinh tế trí tuệ” ở một số nước tư bản, chúng ta đang chứng kiến sự phát triển nhanh chưa từng thấy của một cuộc cách mạng khoa học và công nghệ làm cho khối lượng của cải vật chất ngày càng tăng, trong khi tỉ lệ lao động trực tiếp trong mỗi sản phẩm làm ra ngày càng giảm bớt có khi đến mức độ cực kỳ nhỏ bé, như Các Mác đã tiên đoán. Cơ cấu kinh tế và xã hội ở các nước tư bản phát triển cũng đang trải qua những biến đổi sâu sắc: tỉ lệ lao động trực tiếp trong nông nghiệp và công nghiệp giảm rất mạnh, tỉ lệ lao động làm việc trong khu vực dịch vụ và thông tin đã chiếm trên 70% và còn tiếp tục tăng hơn nữa.

Chúng ta đang chứng kiến một nghịch lý là trong khi tổng số vốn của cải vật chất làm ra ngày càng có khả năng đáp ứng nhu cầu nhân loại thì hai phần ba dân số thế giới vẫn sống trong tình trạng nghèo khổ và lạc hậu, khoảng cách giữa các nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn.

Gần đây, cuộc khủng hoảng trầm trọng về tài chính-tiền tệ và cơ cấu kinh tế ở châu Á lại càng làm cho tình hình thêm phức tạp.

Trước thực trạng ấy, vấn đề đặt ra cho nước Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới là phải tìm ra những phương sách đúng và sáng tạo, thích hợp cho một sự phát triển nhanh và bền vững.

Chúng tôi nghĩ rằng, phương sách ấy chính là sự phát triển mạnh mẽ của nền văn hoá Việt Nam với văn học nghệ thuật là một bộ phận quan trọng, một nền văn hoá giữ vững truyền thống và cốt cách dân tộc đi đôi với tiếp thu nhanh chóng và thông minh tinh hoa của văn hoá nhân loại. Nền văn hoá ấy kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa nhân văn theo tư tưởng Hồ Chí Minh, coi con người là nội lực chủ yếu, thực hiện bằng được quốc sách về giáo dục, đào tạo nên những con người có đạo đức và trí tuệ, sống có nhân cách và lý tưởng vì nước, vì dân, vì mình và vì mọi người. Nền văn hoá ấy là sự nghiệp của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của toàn dân với đội ngũ trí thức, đội ngũ nhân tài của đất nước làm nòng cốt.

Nền văn hoá ấy tạo ra động lực để xây dựng nên một nền kinh tế nhân dân với cơ cấu không ngừng đổi mới, mang lại năng xuất lao động, hiệu quả kinh tế xã hội ngày càng cao, một cộng đồng xã hội dân chủ và công bằng với cuộc sống lành mạnh và hạnh phúc, ngay khi mức sống chưa cao. Nền văn hoá ấy là một tiền đề quan trọng hàng đầu góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp to lớn đưa dân tộc Việt Nam đến thắng lợi trong quá trình giữ vững độc lập chủ quyền, đồng thời hội nhập với khu vực và thế giới.

Nền văn hoá ấy mang lại sức sống mãnh liệt cho nhân dân Việt Nam vững bước tiến lên trên con đường đổi mới, bước vào thiên niên kỷ mới với niềm tin tưởng và tự hào, dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với sự hợp tác và giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

Chúng tôi hoan nghênh những ý kiến của các nhà khoa học trong nước và quốc tế về những vấn đề đã đề ra.

Tại diễn đàn này, chúng ta khẳng định với một tinh thần trọng thị những đóng góp của giới Việt Nam học quốc tế. Đã từng có thời các công trình nghiên cứu Việt Nam có thể nhằm vào những mục đích từ bên ngoài (cai trị, xâm lược, truyền giáo, thăm dò thị trường...), nhưng giờ đây, chúng ta tin tưởng rằng những thành tựu nghiên cứu của giới Việt Nam học quốc tế ngày càng hướng vào mục tiêu tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, tăng cường tình hữu nghị, sự hợp tác và cùng nhau phát triển. Và chính cuộc hội thảo hôm nay là một biểu tượng của sự hợp tác giữa các giới nghiên cứu Việt Nam và các học giả quốc tế.

Một lần nữa, tôi xin nhiệt liệt chào mừng và chúc cuộc hội thảo thành công tốt đẹp.